

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Vũ Đức T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn TQ, xã TC, huyện T1, tỉnh T2

2. Chị Bùi Thị N; sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn TQ, xã TC, huyện T1, tỉnh T2

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 16/07/2015. Vợ, chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Thời gian kéo dài khiến cả hai vô cùng mệt mỏi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cả hai đã cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn ngày càng nhiều và liên tục cãi vã. Nay anh T, chị N đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho chúng tôi được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị N có 02 con chung là cháu Vũ Thị Kiều O, sinh ngày 23/12/2015 và cháu Vũ QA, sinh ngày 02/01/2018. Ly hôn anh T và chị N thống nhất, thỏa thuận chồng là Vũ Đức T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, vợ là Bùi Thị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chồng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, hai cháu là 2.000.000đ/tháng. Kể từ tháng 6/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị N thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị N thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị N thống nhất, thỏa thuận chồng là Vũ Đức T sẽ phải chịu toàn bộ lệ phí về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị N có 02 con chung là cháu Vũ Thị Kiều O, sinh ngày 23/12/2015 và cháu Vũ QA, sinh ngày 02/01/2018. Ly hôn anh T và chị N thống nhất, thỏa thuận chồng là Vũ Đức T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, vợ là Bùi Thị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chồng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, hai cháu là 2.000.000đ/tháng. Kể từ tháng 6/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị N thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị N thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1 theo biên lai số: AA/2021/0007624 ngày 06/05/2022. Anh Vũ Đức T đã nộp đủ tiền lệ phí.

T hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T1;
- UBND xã TC;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Q